

Số: **01/2023/QĐST-DS**

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 27 tháng 12 năm 2022 các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 199/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sacombank)

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng C1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh B.

Địa chỉ: 14C1 Đại lộ Đồng Khởi, phường P, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng C1: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1971 – Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro;

Địa chỉ: Số 14C, Đại lộ Đồng Khởi, phường P, thành phố B, tỉnh B

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 568B, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B

Ông Phạm Khánh D, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hội, xã Vang Quới Tây, huyện B, tỉnh B

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Nhật C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 46/VH, ấp Vĩnh Hội, xã Vang Quới Tây, huyện B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Nhật C: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1985. Địa chỉ: 568B, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B nhận thay) tính đến ngày 27/12/2022 là: 3.383.925.000 đồng (Ba tỷ ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Cá nhân bà Võ Thị Hồng N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng (Sacombank) số tiền tính đến ngày 27/12/2022 là: 230.017.184 đồng (Hai trăm ba mươi triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm tám mươi bốn đồng).

Cá nhân bà ông Phạm Khánh D thanh toán cho Ngân hàng (Sacombank) tính đến ngày 28/12/2022 là: 235.189.354 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng).

Cụ thể:

2.1. Bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D có trách nhiệm liên đới trả 01(một) lần cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – CN B nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số LD1907700726 ngày 18/03/2019 là 1.193.400.000 đồng; lãi trong hạn: 58.831.000 đồng, lãi quá hạn: 1.093.000 đồng, tổng khoản nợ bà N ông D phải trả đến thời điểm 27/12/2022 là 1.253.324.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn

gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 28/12/2022 đến khi bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D trả tất toán nợ cho ngân hàng.

2.2. Bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D có trách nhiệm liên đới trả 01 (một) lần cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số: 202025655149 ngày 08/10/2020 là 506.674.000 đồng, lãi trong hạn 20.463.000 đồng, lãi quá hạn 328.000 đồng, tổng khoản nợ bà N ông D phải trả đến thời điểm 27/12/2022 là 527.465.000 đồng (Năm trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 28/12/2022 đến khi bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D trả tất toán nợ cho ngân hàng.

2.3. Bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D có trách nhiệm liên đới trả 01(Một) lần cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số: 202126074353 ngày 10/04/2021 là 1.125.000.000 đồng, lãi trong hạn 60.085.000 đồng, lãi quá hạn 1.178.000 đồng, tổng khoản nợ bà N ông D phải trả đến thời điểm 27/12/2022 là 1.186.263.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 28/12/2022 đến khi bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D trả tất toán nợ cho ngân hàng.

2.4. Bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D có trách nhiệm liên đới trả 01 (Một) lần cho Ngân Hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – CN B nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202126280275 ngày 01/10/2021 là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.715.000 đồng, lãi quá hạn 158.000 đồng, tổng khoản nợ bà N ông D phải trả đến thời điểm 27/12/2022 là 416.873.000 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 28/12/2022 đến khi bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D trả tất toán nợ cho ngân hàng.

2.5. Cá nhân bà Võ Thị Hồng N phải trả 01 (một) lần cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B nhận thay) toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/03/2019 và ngày 22/03/2022 tính đến ngày 27/12/2022 là 230.017.184 đồng (Hai trăm ba mươi triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm tám mươi bốn đồng) trong đó: vốn gốc 220.257.574 đồng, lãi phát sinh 9,759,610 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 28/12/2022 đến khi bà Võ Thị Hồng N trả tất nợ cho Ngân hàng.

2.6. Cá nhân ông Phạm Khánh D phải trả 01 (một) lần cho Ngân hàng TMCP S (do Ngân Hàng TMCP S – chi nhánh B nhận thay) toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/07/2021 tính đến ngày 27/12/2022 là 235.189.354 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng) trong đó: vốn gốc 224.056.876 đồng, lãi phát sinh 11.132.478 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 28/12/2022 đến khi ông Phạm Khánh D trả tất nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 28/12/2022 khách hàng vay (bà N ông D) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng số LD1907700726 ngày 18/03/2019; hợp đồng tín dụng 202025655149 ngày 08/10/2020; hợp đồng tín dụng 202126074353 ngày 10/04/2021; hợp đồng tín dụng hạn mức số 202126280275 ngày 01/10/2021 và thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/03/2019 và ngày 22/03/2022 của Ngân hàng TMCP S với bà Võ

Thị Hồng N cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Bê – Phòng giao dịch B cụ thể như sau:

- *Tài sản 1:* Quyền sử dụng đất 5.514,8 m² (đất ở tại nông thôn: 300m², đất trồng cây lâu năm: 5.214,8m²), tọa lạc tại xã Vang Quới Tây, huyện B, tỉnh B thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS02655 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/01/2018 cho ông Phạm Khánh D và bà Võ Thị Hồng N làm chủ sử dụng.

- *Tài sản 2:* Quyền sử dụng đất 127,7 m² (đất ở tại nông thôn 70m², đất trồng lúa nước còn lại 57,7m²), tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh B thuộc thửa đất số 1132, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS06181 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/01/2018 cho ông Phạm Khánh D và bà Võ Thị Hồng N làm chủ sử dụng.

- *Tài sản 3:* Quyền sử dụng đất 127,1 m² (đất ở tại nông thôn: 70m², đất trồng lúa nước còn lại: 57,1m²), tọa lạc tại xã Ph, tp.B, tỉnh B; thuộc thửa đất số 1133, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS07095 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/08/2018 cho ông Phạm Khánh D làm chủ sử dụng.

- *Tài sản 4:* Quyền sử dụng đất 126,5 m² (đất ở tại nông thôn 70m², đất trồng lúa nước còn lại 56,5m²), tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh B thuộc thửa đất số 1134, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CH01381 do UBND thành phố B, tỉnh B cấp ngày 30/12/2011 cho ông Phạm Nhật C và ông Phạm Khánh D làm chủ sử dụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Hồng N và ông Phạm Khánh D phải liên đới chịu số tiền là 49.843.700 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm bốn ba nghìn bảy trăm đồng)

- Cá nhân bà Võ Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.570.000 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)

- Cá nhân ông Phạm Khánh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.879.700 đồng (Năm triệu tám trăm bảy chín nghìn bảy trăm đồng)

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 52.989.000 đồng (Năm mươi triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0009967 ngày 22/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Bến Tre;
- Các đương sự;
- THADS TP.Bến Tre;
- Toà án tỉnh ;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở